

Asking for and Giving Directions¹



Sources: http://www.tropicalisland.de/travel_vietnam.html

By

Kimloan Hill

University of California – San Diego

¹ The author reserves the copy right to any material in this chapter. Any reproduction in this chapter must have the author's consent.

A—Objective

By the end of this chapter, you will be able to:

- ask for directions using interrogative phrase: *đi như thế nào, ở đâu, nằm ở chỗ nào, làm cách nào*
- give directions/instructions using prepositions such as *phải, trái, đi thẳng trước mặt, bên cạnh, sau, trước, đối diện*
- use imperative mode: *hãy, chỉ cho tôi, để tôi*
- express appreciation politeness and using: *xin lỗi ông/bà, cô...; cảm ơn ông/bà, cô..., không có chi, không dám*

B—Scenarios

Dialogue 1:



Source: <http://www.bdtcholon.com.vn>

- Cụ già: Cháu ơi, bưu điện có gần đây không?
- Hoàng: Thưa cụ, bưu điện còn xa lắm. Cụ không thể đi bộ đâu.
- Cụ già: Vậy thì làm cách nào tôi đi tới bưu điện được?
- Hoàng: Cụ nên đi bằng xe xích lô. Để cháu đón xe xích-lô hộ cụ nhà.
- Cụ già: Cảm ơn cháu.
- Hoàng: Dạ, không dám.

Dialogue 2:

Quỳnh: Chào anh.

Một thanh-niên: Chào cô.

Quỳnh: Xin lỗi anh, đường đi từ đây đến tiệm giày Phương Lan đi như thế nào hở anh?

Thanh-niên: Cô cứ lái xe đi thẳng trước mặt và qua khỏi hai đèn xanh đèn đỏ thì quẹo trái. Sau đó đi khoảng hai dãy phố thì quẹo phải để vào đường Pasteur. Tiệm giày nằm bên tay phải, cạnh tiệm phở Pasteur.

Quỳnh: Cảm ơn anh.

Thanh-niên: Không có chi cô.

Dialogue 3:



Source: <http://www.hanoiproperty.com>

Nga: Bảo ơi, chắc chúng mình đi lộn đường rồi.

Bảo: Ừ, mình cũng nghĩ như vậy.

Nga: Để mình hỏi em bé kia.

Nga: Em ơi cho chị hỏi thăm một tí. Em có biết nhà thầy giáo Hạnh ở đâu không?

Em bé: Dạ có. Nhà thầy giáo Hạnh ở kia kia. Nhà có cây ổi, nằm cạnh quán cà-phê và đối diện với trường tiểu học đó.

Bảo: À, chị thấy rồi. Cảm ơn em nhé.

Dialogue 4:



Source: Photo Kimloan Hill



Street map of Hà-Nội

Peter: Xin lỗi ông, ông có thể chỉ cho tôi đường đi tới viện Bảo Tàng Lịch – sử không?

Người đạp xe xích-lô: Dễ lắm, từ đây anh lấy đường Ngô Quyền, rẽ phải ở đường Trần Hưng Đạo. Sau đó anh đi thêm khoảng 50 mét, rẽ trái ở đường Lê Thánh Tông và rẽ phải ở đường Tràng Tiên. Viện Bảo Tàng Lịch sử nằm bên phải của anh, số 1 đường Phạm Ngũ Lão, tại góc đường Phạm Ngũ Lão và đường Tràng Tiên .

Peter: Vậy, từ đây đến đó đi mất bao lâu?

Người đạp xe xích-lô: Viện bảo tàng nằm ở hướng Đông Nam của Hồ Hoàn Kiếm và cách đây khoảng năm kí-lô mét. Đi bộ từ đây tới đó mất khoảng ba mươi phút. Tôi có thể đưa anh đi.

Peter: Cảm ơn ông; tôi có thể đi bộ.

C—Vocabularies

| | |
|------------------|----------------------------------|
| Thanh niên: | a young man |
| Xin lỗi: | Excuse me |
| Tiệm giày: | a shoe store |
| Đi như thế nào: | how to get to |
| Thẳng trước mặt: | straight ahead |
| Đèn xanh đèn đỏ: | traffic lights |
| Qua khỏi: | to pass a location or a landmark |
| Quẹo, rẽ: | to turn |
| Dãy phố: | street block |
| Trái: | left |
| Phải: | right |
| Nằm (ở): | to locate/situate at/on |
| Bên tay phải: | on the right hand side |
| Bên cạnh: | next to |

| | |
|-------------------------|--|
| Từ...đến: | from...to |
| Cụ già: | an elderly person |
| Bưu điện: | post office |
| Gần: | near |
| Xa: | far |
| Có thể: | to be able to, can |
| Đi bộ: | to walk |
| Làm cách nào: | by what means |
| Đón xe: | to catch transportation such as taxi, cyclo. |
| Hộ: | to assist someone in doing something |
| Chắc: | surely, certainly |
| Lộn đường: | to take the wrong street |
| Hỏi thăm: | to inquire, to ask |
| Một tí/chút: | a little |
| Cây ổi: | guava tree. |
| Ở: | to be located at |
| Quán cà-phê: | a coffee shop |
| Đối diện: | facing |
| Trường tiểu học: | elementary school |
| Không có chi/Không dám: | You are welcome |
| Viện Bảo Tàng: | museum |
| Lịch sử: | history |
| Góc đường: | the corner of |
| Ngã ba: | T-section |
| Ngã tư: | intersection |
| Đèn xanh đèn đỏ: | traffic light |
| Cuối đường: | the end of a street |
| Đầu đường: | the beginning of a street |
| Hẻm, ngõ: | alley |
| Làm ơn: | please |
| Hướng/Phía: | in the direction of |
| Nam: | South |
| Tây: | West |
| Đông: | East |
| Bắc: | North |

Idiom:

| | |
|-----------------------------|--|
| Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ: | Outside the home inquire information from old people; inside the home ask children |
|-----------------------------|--|

D—Classroom Activities

Activity 1:

Prepare a dialogue with a partner, using the information provided below. Your dialogue must include the following words: left, right, situated on, at the end of..., go straight ahead, three traffic lights,

| Student A | Student B |
|---|--|
| Greet B Ask for directions to a movie theater on X street | Greet A Give A the location of the movie theater before proceed on giving him/her directions how to get there |
| Repeat the directions that B just gave Say thanks and good-bye | Say: "you are welcome" |

Activities 2: Change partner two more times and create dialogues modeled them after dialogue 2, 3, or 4.

Activities 3: Having-fun-while-learning 1

1. Divide students into two groups.
2. Each group will devise three directions from point A to point B. The directions must include following words: phải, trái, đèn xanh đèn đỏ, ngã ba, ngã tư, thẳng trước mặt, nằm bên cạnh or bên phải/trái.
3. Each group will take turn to read its directions to the other group. A member of the second group draws of the given directions on blackboard.

Activities 4: Having-fun-while-learning 2

1. Divide students into two groups.
2. Each group will give directions to three points of interests in town and nominate one student to mime these directions. The opposing group will have to guess these directions.

Activities 5: Role Play situation

| | |
|--------------------|--------------------------|
| Student A = caller | Student B = receptionist |
|--------------------|--------------------------|

| | |
|---|---|
| Call the office of your doctor/dentist to ask for the locations of its office and directions how to get there from a major highway or road. | Give the caller the address of the office and provide directions how to get to the office from a major highway or road. |
|---|---|

E—Grammar Notes:

a—In English, when asking or ordering someone to do something, the sentence does not include a subject and *please* is optional. In Vietnamese, the sentence must have a subject, unless it is spoken to someone of inferior status.

English: Wash this car for me (please)

Vietnamese: Ông/anh...(làm ơn) rửa chiếc xe này cho tôi.

Con rửa chiếc xe này cho mẹ nhé.

b—*Street* is translated as *phố* in North Vietnam and *đường* in South Vietnam. However, a *block* means *một dãy phố* and *to go downtown* means *đi ra phố*.

c—To indicate the time it would take to travel from point A to point B by certain means of transportation, use: *từ A tới B đi....mất....*

Example 1: Từ Sài– Gòn ra Hà Nội đi bằng xe lửa mất hai ngày.
From Saigon to Hanoi takes two days by train.

Example 2: Từ nhà Phụng đến Thư Viện Quốc Gia đi bộ mất ba mươi phút
From Phụng's house to the National Library takes thirty minutes walk.

d— To ask how long it would take to get from point A to point B use: *Từ A tới B đi...mất bao lâu?*

Example 3: Từ nhà anh ra phi trường mất bao lâu?
How long does it takes to get to the airport from your house?

e— To tell the distance between A and B use: *cách*.

Example 4: Trường Đại Học Sài Gòn cách nhà tôi 10 kí-lô mét (or: cây số)
The University of is ten kilometers from my house.

f— To ask how far is A to B use *A cách B bao xa*.

Example 5: Trường Đại Học Sài Gòn cách nhà cô bao xa?
How far is the University of Saigon to your house?

F- Culture Notes

The Hazard of Street Crossing in Vietnam

Street crossing in Vietnam can be unduly exciting. There are few motor cars or trucks but many motorcycles and scooters and in the cities the traffic rarely stops, even for red lights. If you must cross the street the only thing to do is choose your moment carefully, then step out into the traffic and walk at a steady pace until you reach the other side. Do not slow down or speed up or stop. The drivers will not slow down or stop either, but they will try not to hit you, and you can best assist them in that regard by not doing anything unexpected. Your chances of being cut down by a Honda Dream II, or other popular motorcycles are quite rare, most pedestrians do make it to the other side, and with any luck you will too.

G—Writing/Speaking Exercises

Exercise 1: Use appropriate vocabularies to fill in the blanks below:

A: _____. Bà cho tôi hỏi thăm nhà ông Lân _____?

B: Anh đi _____ rồi. Ở đây không có ông Lân.

A: Vậy, đây _____ đường Hai Bà Trưng, phải không?

B: Không, đây _____ đường Trần Quý Cáp.

A: Vậy, bà có biết đường Hai Bà Trưng _____ không?

B: Có, Anh đi _____ trước mặt, rồi _____ trái, đi thêm hai _____ thì đến đường Hai Bà Trưng.

A: Cám ơn bà.

Exercise 2:

How would you:

1. Ask for direction from A to B
2. Address an elderly person
3. Address a young girl
4. Suggest to the other person to let you do something for him/her
5. Say “you are welcome” to a young man.

6. Say "take a taxi"
7. Say "go three blocks"
8. Instruct someone to "go straight ahead then turn left."
9. Say: "we are lost."
10. Say: "the post office is on your right, next to a church."
11. Say: "Southwest, Northeast, Northwest, and Southeast"
12. Say: "It is located on the corner of X and Y streets."

Exercise 3: Complete the following sentences:

1. Xin lỗi chị, Chùa Vĩnh Nghiêm _____ ?
2. Bác ơi, bác có thể chỉ cho tôi _____ ?
3. Nhà hàng Phương Trang nằm ở _____.
4. Chúng mình đi _____ rồi, nhà của Cô Nga không ở đường này.
5. Nhà sách Lê Lợi _____ nhà anh Hải _____.
6. _____ văn phòng của bác sĩ Quang _____ đây đi xe tắc-xi _____.
7. Thưa bà, bà có biết chợ Đồng Xuân cách đây _____ không?
8. Có, nếu anh đi bộ thì sẽ _____ một tiếng; nếu anh đi xe xích-lô thì sẽ _____ hai mươi phút.
9. Cửa Nam của nhà ga Hà Nội nằm _____ ?
10. Nó _____ đường Lê Duẩn
11. Viện Bảo Tàng Lịch Sử ở Hà Nội nằm ở hướng _____ của hồ Hoàn Kiếm.
12. Nó nằm ở _____ Tràng Tiền và Phạm Ngũ Lão.

Exercise 4:

Create a set of question and answer sentences using each of the following 10 groups of keywords: *góc đường; cách; mười phút lái xe; đón xe; bao lâu; làm cách nào; cuối đường; đi như thế nào; hẻm; từ...đến.*

For example:

Question: Em ơi, nhà thờ Hoa Mai cách đây bao xa?
 Answer: Nhà thờ Hoa Mai cách đây năm phút đi bộ.

Exercise 5:

Write a letter to a friend and describe an experience during which you were lost because of misreading map instructions. Begin your letter with: “Chào...” and end with “Thân” before signing your name.

To do this task: you must describe the correct directions given to you and the wrong direction that you take. For example: “I turn left at A street instead of turning right; or I turn right at the intersection of X street and Y street instead of going straight ahead.”